

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Ông Nguyễn Văn Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 293/2020/TLST- HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST – HNGĐ ngày 31/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2020 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày:

Do quen biết chị và anh Nguyễn Minh T tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc thường xuyên cãi vã nhau, từ 20 năm nay ai làm nấy ăn, anh T đi làm không đưa tiền phụ chị xoay xài, chị định ly hôn nhưng phát hiện có con nên chị không ly hôn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị kiên quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Con chung: vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày

11/01/2012, hiện đang sống chung với anh T, sau khi ly hôn con theo ai người đó nuôi người không nuôi không phải cấp dưỡng nuôi con, Nguyễn Mạnh C, sinh năm 2001 đã thành niên. Tài sản chung: nhà và đất hiện do anh T đang quản lý, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có. Vì bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Về điều kiện thành hôn và quá trình đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì chị N ra tiệm bán không biết có tác động nào từ bên ngoài nên về vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dù chuyện nhỏ vợ chồng cũng cãi thành chuyện lớn, vợ chồng đã sống ly thân từ 03 năm nay. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ thương con.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/01/2012, hiện đang sống chung với anh T, nếu Tòa án giải quyết ly hôn con theo ai người đó nuôi người không nuôi không phải cấp dưỡng nuôi con, Nguyễn Mạnh C, sinh năm 2001 đã thành niên. Tài sản chung: nhà và đất hiện do anh quản lý, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, cụ thể còn vắng mặt những lần Tòa án mời; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N; Về con chung: Nguyễn Mạnh C, sinh năm 2001 đã thành niên, anh Nguyễn Minh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/01/2012, hiện đang sống chung với anh T, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu. Tài sản chung: nhà và đất hiện do anh quản lý, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Nguyễn Minh T có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm

quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, **bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.** Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng N đối với anh Nguyễn Minh T, thấy rằng: Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc thường xuyên cãi vã nhau, từ 20 năm nay ai làm nấy ăn, anh T đi làm không đưa tiền phụ chị xoay xoi, nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị kiên quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T; anh T thì cho rằng sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì chị Nhanh ra bán quán không biết có tác động nào bên ngoài nên về vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dù chuyện nhỏ nhặt, vợ chồng đã sống ly thân từ 03 năm nay. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ thương con. Hội đồng xét xử xét thấy: Chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình anh chị không khắc phục được dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng yêu thương nhau nữa nên đã sống ly thân nhau và lẽ ra trong khoảng thời gian sống ly thân anh chị phải có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T và chị N đều không có giải pháp hàn gắn đồng thời anh chị đều vắng mặt những lần Tòa án mời sau điều đó cả hai đều không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những lập luận trên nghĩ rằng hôn nhân của anh chị mặc dù xuất phát từ những mâu thuẫn rất nhỏ nhất trong đời sống hằng ngày nhưng do bản thân anh chị không cố gắng khắc phục và cũng không vì nhau thay đổi nên đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng N là có căn cứ. Về con chung: Nguyễn Mạnh C, sinh năm 2001 đã thành niên nên không đề cập, Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/01/2012, từ lúc anh chị sống ly thân nhau cháu H sống chung với anh Nguyễn Minh T. Để cuộc sống của cháu H không bị xáo trộn sau khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử nghĩ để anh T tiếp tục nuôi cháu H là phù hợp đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu H tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên đề ngày 02/11/2020. Về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con: Do anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử không đề cập. Tài sản chung: nhà và đất hiện do anh T quản lý, anh T và chị N thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: không có nên không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Trần Thị Hồng N phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng N.

Chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

[2] *Về con chung*: Nguyễn Mạnh C, sinh năm 2001 đã thành niên, anh Nguyễn Minh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 11/01/2012, hiện đang sống chung với anh T, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Trần Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh T thống nhất tài sản chung có nhà và đất hiện do anh T quản lý, để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003664 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không còn phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: **Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi Cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã K, số 36, ngày 14/5/2004 (01b);
- Lưu:Hồ sơ, VP (2b).

Nguyễn Thị Hoài Nhớ